

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2020/HNGĐ-PT
Ngày 14 – 12 – 2020
V/v Tranh chấp ly hôn, chia tài
sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết.

Các Thẩm phán: 1/. Bà Trương Tố Hương;

2/. Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo— Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp Ly hôn và chia tài sản chung*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2020/HNGĐ-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1996. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

-Bị đơn: Anh Lương Phước V, sinh năm 1988. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V , xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: Ông Lương Phước V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Chị Lê Thị Thùy D trình bày:

Vào ngày 12/11/2018 chị và anh Lương Phước V có đăng ký kết hôn với nhau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Chị và Anh V chung sống với nhau chưa có con chung. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, hai người đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị nhận thấy giữa hai người đã không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn không thể hàn gắn, vì vậy chị khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lương Phước V.

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lương Phước V trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Thùy D về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung, nhưng còn về tài sản chung thì anh không thống nhất. Theo anh trong ngày cưới gia đình bên anh có cho vợ chồng anh một số nữ trang, bao gồm: một đôi bông tai 01 chỉ vàng 18K, một sợi dây chuyền có mặt trọng lượng 04 chỉ vàng 9999, một tấm lắc đeo tay trọng lượng 03 chỉ vàng 9999, số vàng này phía chị D đã cất giữ. Nay phía chị D khởi kiện xin ly hôn anh đồng ý, đồng thời yêu cầu chị D phải trả lại toàn bộ số vàng nêu trên cho anh.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 30/2020/HNGĐ-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2020, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2, 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a và điểm b khoản 5 của Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** *Tuyên xử:***

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Lương Phước V.

2/ Về con chung: Chị Lê Thị Thùy D và anh Lương Phước V không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về phân chia tài sản chung: Chị Lê Thị Thùy D và anh Lương Phước V mỗi người được quyền sở hữu 3,5 (*ba phẩy năm*) chỉ vàng 9999. Chị D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh V giá trị của 3,5 (*ba phẩy năm*) chỉ vàng 9999 với số tiền là 18.550.000đ (*mười tám triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

4/ Về nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) và án phí phân chia tài sản chung với số tiền 927.500 đồng (*chín trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*), tổng cộng là 1.227.500đ (*một triệu, hai trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003512 ngày 18/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị D còn phải nộp số tiền 927.500 đồng (*chín trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*).

Anh Lương Phước V phải chịu án phí với tổng số tiền là 2.040.000 đồng (*hai triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp 1.100.000đ (*một triệu, một trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003590 ngày 20/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, anh V còn phải nộp số tiền 940.000 đồng (*chín trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 05/10/2020, bị đơn ông Lương Phước V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết tiền án phí 1.112.500 đồng ông V không phải chịu.

* Ngày 08/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm kháng nghị một phần bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 sửa bản án sơ thẩm buộc ông V phải chịu thêm án phí đòi lại tài sản (đối với phần yêu cầu chia tài sản không được chấp nhận) là trái pháp luật. Cấp sơ thẩm buộc ông V phải chịu án phí đòi lại tài sản không được chấp nhận với số tiền 1.112.500 đồng là tính án phí hai lần.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu đơn khởi kiện, bị đơn ông Lương Phước V có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng

cáo, kháng nghị và cho rằng kháng cáo có cơ sở chấp nhận, kháng nghị đúng theo quy định và có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa bản án sơ thẩm hôn nhân và gia đình đối với phần án phí ông Lương Phước V không phải chịu án phí 1.112.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn Lương Phước V là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo kháng nghị hợp lệ và đúng theo luật định, nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo, kháng nghị và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị.

[II] Về nội dung:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Thị Thùy D và ông Lương Phước V thống nhất về hôn nhân là ông bà đồng ý ly hôn, về con chung, về nợ chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung của ông bà được Tòa án cấp sơ thẩm xác định số vàng tặng cho ngày cưới bao gồm 01 đôi bông tai vàng 18K và số trang sức còn lại là 07 chỉ vàng 9999. Đối với số vàng cưới còn lại gồm 07 chỉ vàng 9999 chia đôi mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản là đúng theo quy định pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lương Phước V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về án phí mà ông phải chịu đối với phần yêu cầu của ông không được chấp nhận là 1.112.500 đồng. Theo đó, bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông không phải chịu án phí đối với tài sản mà bà D được nhận và 01 chỉ vàng 18K tài sản riêng của bà D. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm kháng nghị đối với phần án phí mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V phải thêm án phí phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận đối với số vàng bà D đã nhận là 3,5 chỉ vàng 9999 + 01 chỉ vàng 18K với số tiền án phí là 1.112.500 đồng là không có căn cứ pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 sửa bản án sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, chia tài sản chung nên án phí của vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia

tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia; Như vậy, trong vụ án này ông Lương Phước V được chia 3,5 chỉ vàng 9999 thì ông V chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản mà ông được chia là 3,5 chỉ vàng 9999 là 927.500 đồng. Do đó, kháng cáo của ông V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lương Phước V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lương Phước V và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo ông Lương Phước V được chấp nhận nên ông V không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lương Phước V.
2. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2, 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 5 của Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Lương Phước V.

2/ Về con chung: Chị Lê Thị Thùy D và anh Lương Phước V không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về phân chia tài sản chung: Chị Lê Thị Thùy D và anh Lương Phước V mỗi người được quyền sở hữu 3,5 (*ba phẩy năm*) chỉ vàng 9999. Chị D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh V giá trị của 3,5 (*ba phẩy năm*) chỉ vàng 9999 với số tiền là 18.550.000đ (*mười tám triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

4/ Về nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) và án phí phân chia tài sản chung với số tiền 927.500 đồng (*chín trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*), tổng cộng là 1.227.500đ (*một triệu, hai trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003512 ngày 18/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị D còn phải nộp số tiền 927.500 đồng (*chín trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*).

Anh Lương Phước V phải chịu án phí phân chia tài sản chung với số tiền 927.500 đồng (*chín trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp 1.100.000đ (*một triệu, một trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003590 ngày 20/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, anh V được nhận lại số tiền 172.500 đồng (*Một trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng*).

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn anh Lương Phước V không phải chịu, anh Lương Phước V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006877 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án thị xã Ngã Năm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THA thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Rết